TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HOÀ** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án Số: 08 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2018
"V/v ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ – TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Huy Nhật

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hải

2. Ông Võ Chí Công

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huyền Thương-Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa tham gia phiên toà:*** Bà Ngô Thị Phương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14/3/2018 về tranh chấp "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị D.T.T.N, sinh năm 1987

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Bị đơn: Anh H.H.M, sinh năm 1981

Nơi ĐKHKTT: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2018 và các bản tự khai, nguyên đơn chị D.T.T.N trình bày:

Chị và anh H.H.M tự nguyện kết hôn với nhau ngày 28/10/2011; có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc hòa thuận, đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; chị N cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng lấy nhau đã lâu mà chưa có con; anh M ham vui bạn bè không quan tâm đến gia đình, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi lối sống; vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay,

chị thấy tình cảm vợ chồng của chị đối với anh M không còn nữa và yêu cầu được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M không có con chung

Về tài sản: Chị và anh M không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng như cho ai vay, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Tại đơn trình bày ngày 17/4/2018 bị đơn anh H.H.M trình bày:

Anh và chị D.T.T.N kết hôn ngày 28/10/2011 như chị N khai báo là đúng; sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc hòa thuận được 05 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không thể hoà hợp. Nay chị N xin ly hôn anh, anh thấy tình cảm vợ chồng của anh đối với chị N không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Anh M không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại phiên toà:

- Chị N trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M; không yêu cầu giải quyết về con cái, tài sản.

- Anh M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung anh đồng ý ly hôn với chị N; không yêu cầu giải quyết về con cái, tài sản.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GĐ); Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D.T.T.N và anh H.H.M; về tài sản không đặt ra giải quyết; chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật cho bị đơn anh H.H.M. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm e khoản 1 điều 192 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của chị D.T.T.N yêu cầu được ly hôn với anh H.H.M:

Chị D.T.T.N và anh H.H.M kết hôn với nhau ngày 28/10/2011 trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND phường phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng lấy nhau đã lâu mà chưa có con; anh M không quan tâm đến gia đình, hiện tại

anh M bỏ nhà đi làm ăn xa từ năm 2017 không về đến nay, không quan tâm và không có trách nhiệm với chị N. Chứng tỏ vợ, chồng vi phạm về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và kéo dài; mục đích của hôn nhân không đạt được; đời sống chung của vợ chồng không tồn tại trên thực tế, khả năng vợ chồng về đoàn tụ không còn nên chấp nhận yêu cầu của chị N và ý kiến của anh M, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị D.T.T.N và anh H.H.M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị N và anh M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái.

[4]. Về tài sản: Chị N và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

[5]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật dân sự, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủyban thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D.T.T.N và anh H.H.M.

- Về con chung: Chị N và anh M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái.

- Về quan hệ tài sản: Chị N và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Về án phí: Chị D.T.T.N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và được đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0006415, ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Về quyền kháng cáo: Chị D.T.T.N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh H.H.M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngàykể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngàytòa án niêm yết bản án.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND Tỉnh Nghệ An*
- *VKSND TX Thái Hòa;*
- *Chi cục THA DS TX Thái Hòa;*
- *UBND phường H (Để ghi sổ hộ tịch);*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Huy Nhật